

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CÀ MAU  
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2025/HNGĐ-ST  
Ngày 26 tháng 5 năm 2025  
Về việc: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kiều Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đoàn Thị Bảy

Ông Trương Công Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Bích Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2025 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Trần B C, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 00, đường L, khóm 0, phường 0, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn:* Bà Tiêu Đình N H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 00, đường Q, khóm 0, phường , thành phố C, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Biên C trình bày:***

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện ông và bà Tiêu Đình N H tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2005, ngày đăng ký 23 tháng 02 năm 2005. Thời gian đầu vợ chồng luôn sống hòa thuận, yêu thương, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau, cùng thực hiện các công việc gia đình, cùng nhau tạo dựng sự nghiệp nhưng trong quá trình chung sống thời gian sau vợ chồng thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm thường xuyên dẫn đến mâu thuẫn kéo dài đến nay vẫn không giải quyết được. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu được ly hôn với bà Tiêu Đình N H.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 14/12/2012 và Trần Phước H, sinh ngày 12/4/2007. Khi ly hôn, ông Trần B

C yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu bà Tiêu Đình N H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Trần B C xác định không có.
- Về nợ chung: Ông Trần B C xác định không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ để xét xử nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trần B C và bà Tiêu Đình N H kết hôn với nhau vào năm 2005, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND phường 2, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông C và bà H được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ. Ông C xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng đã ly thân, không còn chung sống với nhau từ tháng 4/2024 cho đến nay. Ông C xác định tình cảm vợ chồng của ông đối với bà H không còn, đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên cương quyết xin ly hôn với bà Tiêu Đình N H. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của ông Trần B C được ly hôn với bà Tiêu Đình N H.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên Trần N T, sinh ngày 14/12/2012 và Trần P H, sinh ngày 12/4/2007. Con chung tên Trần Phước H đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết; Con chung Trần Ngọc T hiện đang sống cùng cha và có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng cha khi cha mẹ ly hôn. Xét đây là sự tự nguyện của con chung, không ai ép buộc và đã ổn định về cuộc sống nên cần giao con chung tên Trần Ngọc T cho ông Trần B C tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà Tiêu Đình N H không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Trần B C được ly hôn với bà Tiêu Đình N H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Ngọc T, sinh ngày 14/12/2012 cho ông Trần B C tiếp tục nuôi dưỡng. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con. Bà Tiêu Đình N H không trực tiếp nuôi con có quyền lui tới, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung và nợ chung:** Không đặt ra xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Ông Trần B C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 12/3/2025 ông C đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0010468 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND phường 2, thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Kiều Trang**